

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 100

**GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI CHÍN (Tiếp):
ĐÀM-VÔ-KIỆT**

KINH: Bấy giờ, Tát-đà-ba-luân và người con gái của vị trưởng giả cùng năm trăm người hầu gái đi đến chỗ Đàm-vô-kiệt rải hoa trời Mạn-đà-la, đầu mặt đánh lễ xong, lui ngồi một bên. Đàm-vô-kiệt thấy các người ấy ngồi xong, bảo Tát-đà-ba-luân rằng: Nay thiện nam tử! Hãy lắng nghe, khéo lãnh thọ! Nay Ta sẽ vì ông nói tướng Bát-nhã Ba-la-mật. Nay thiện nam tử! Vì các pháp bình đẳng, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng bình đẳng; vì các pháp lia tướng, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng lia tướng; vì các pháp bất động, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng bất động; vì các pháp không nhớ nghĩ, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng không nhớ nghĩ; vì các pháp không sợ, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng không sợ; vì các pháp một vị, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng một vị; vì các pháp vô biên, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng vô biên; vì các pháp vô sinh, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng vô sinh; vì các pháp vô diệt, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng vô diệt; vì hư không vô biên, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng vô biên; vì nước biển lớn vô biên, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng vô biên; vì núi Tu-di trang nghiêm, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng trang nghiêm; vì hư không không có phân biệt, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng không có phân biệt; vì sắc vô biên, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng vô biên; vì thọ, tướng, hành, thức vô biên, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng vô biên; vì địa chủng vô biên, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng vô biên; vì thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng vô biên, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng vô biên; vì không giới vô biên, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng vô biên; vì như kim cang bình đẳng, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng bình đẳng; vì các

pháp không có phân biệt, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng không có phân biệt; vì các tính pháp không thể có được, nên biết tính Bát-nhã Ba-la-mật cũng không thể có được; vì các pháp không có sở hữu, bình đẳng, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng không có sở hữu, bình đẳng; vì các pháp không làm, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng không làm; vì các pháp không thể nghĩ nghĩ, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng không thể nghĩ nghĩ.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân ngay nơi chỗ ngồi được các tam-muội, đó là tam-muội Các pháp bình đẳng, tam-muội Các pháp lìa tướng, tam-muội Các pháp không sợ, tam-muội Các pháp một vị, tam-muội Các pháp vô biên, tam-muội Các pháp không sinh, tam-muội Các pháp không diệt, tam-muội Hư không vô biên, tam-muội Nước biển lớn vô biên, tam-muội Núi Tu-di trang nghiêm, tam-muội Hư không không có phân biệt, tam-muội Sắc vô biên, tam-muội Thọ, tướng, hành, thức vô biên, tam-muội Địa giới vô biên, tam-muội Thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới vô biên, tam-muội Như kim cang bình đẳng, tam-muội Các pháp không có phân biệt, tam-muội Các pháp không thể nghĩ bàn; như vậy thấy đều được trăm ngàn vạn ức môn tam-muội.

Bấy giờ Phật bảo Tu-bồ-đề: Như Ta nay ở giữa ba ngàn đại thiên thế giới có các Tỳ-kheo Tăng vây quanh, với tướng ấy, với mạo ấy, với danh tự ấy nói Bát-nhã Ba-la-mật, Tát-đà-ba-luân được sáu trăm vạn môn tam-muội, thấy phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc, trên, dưới, chư Phật trong thế giới đại thiên ba ngàn số như cát sông Hằng với các Tỳ-kheo cung kính vây quanh, do tướng như vậy, mạo như vậy, danh từ như vậy, thuyết Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Tát-đà-ba-luân từ đó về sau có được trí tuệ nghe nhiều không thể nghĩ bàn, như nước biển lớn; thường không xa lìa Phật, thường sinh trong nước có Phật, cho đến trong mộng chưa từng lúc nào không thấy Phật. Hết thấy các nạn đều dứt sạch, theo nguyện vãng sinh ở nước có Phật. Nay Tu-bồ-đề! Nên biết nhân duyên của Bát-nhã Ba-la-mật ấy có thể làm thành tựu hết thấy công đức của Bồ-tát, được trí Nhất thiết chủng. Vì thế, nên các Bồ-tát nếu muốn học sáu Ba-la-mật hãy nên vào sâu trí tuệ chư Phật, muốn được trí Nhất thiết chủng hãy nên thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, rộng vì người nói, cũng viết chép quyển kinh cúng dường, tôn trọng, tán thán, cúng hương hoa cho đến kỹ nhạc. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của mười phương chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại; được mười phương chư Phật tôn trọng.

LUẬN: Đàm-vô-kiệt đã đi ra đến pháp tòa, xem khắp không có ai

hơn mình, bấy giờ mới ngồi. Khi ấy Tát-đà-ba-luân biết Đàm-vô-kiệt đã ngồi chắc, đi đến đầu mặt đánh lễ dưới chân rồi ngồi một bên.

Đảnh lễ có ba cách: Một là miệng lễ, hai là quỳ gối mà đầu không sát đất, ba là đầu sát đất; đó là sự lễ cao thượng. Trong một thân người, đầu ở trên hết, chân ở dưới hết; đem đầu lễ chân là cung kính cùng tột.

Đàm-vô-kiệt thấy người kia đã ngồi xong, biết người từ xa đi đến không tiếc thân mạng, chịu mọi siêng năng khổ nhọc, chỉ vì muốn nghe Pháp. Lúc mới thấy nhau, vì mặt trời sắp lặn nên thời gian nghe Pháp ngắn. Đàm-vô-kiệt vì thấy mặt trời lặn nên đứng dậy đi vào cung; nay vì Pháp nên (Tát-đà-ba-luân) bảy năm khát ngưỡng không sinh tâm khác. Khi Đàm-vô-kiệt sắp đi ra, thì Tát-đà-ba-luân lấy máu rưới đất. Biết người kia vì Pháp, không tiếc thân mạng, tâm kia không thoái chuyển, quyết định không nghi ngờ, có thể nhận sự giáo hóa, nên Đàm-vô-kiệt bảo rằng: “Này thiện nam tử! Hãy nhất tâm lắng nghe!” Ở trên nói nghi Phật từ đâu đến, đi về đâu đã dứt, nay chỉ muốn nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, nên nói cho tướng Bát-nhã Ba-la-mật.

Tướng Bát-nhã Ba-la-mật là như trước đã nói trong các nghĩa: Các pháp bình đẳng nên Bát-nhã Ba-la-mật bình đẳng v.v...

Hoặc có người nói: Vì sức Bát-nhã Ba-la-mật nên quán các pháp đều bình đẳng, chứ chẳng phải tính các pháp bình đẳng. Thế nên Đàm-vô-kiệt nói: Vì các pháp bình đẳng nên Bát-nhã Ba-la-mật bình đẳng. Vì sao? Vì nhân quả giống nhau. Lúc mới quán các pháp bình đẳng là nhân, khi tâm quyết định được Bát-nhã Ba-la-mật là quả.

Hỏi: Quán các pháp bình đẳng tức là Bát-nhã, Bát-nhã tức là bình đẳng, cố gì phân biệt làm nhân, quả?

Đáp: Bát-nhã và các pháp tuy một tướng, không hai không khác, song hành giả khi quán các pháp bình đẳng là nhân, quán xong gọi là quả. Như đạo Tu-đà-hoàn có đức và hương. Lại như năm uẩn hữu lậu, khi ở trong tập gọi là nhân, khi ở trong quả gọi là quả. Hết thấy pháp sắc v.v... bình đẳng tức là Bát-nhã Ba-la-mật bình đẳng.

Hỏi: Nên nói tướng Bát-nhã Ba-la-mật, nay cố gì nói bình đẳng? Nhân không có bình đẳng nên mới có bình đẳng, nhân có bình đẳng nên mới có không bình đẳng? Đối với Bát-nhã cũng chẳng phải một tướng, cũng chẳng phải khác tướng, cố gì ông muốn thủ lấy một tướng?

Đáp: Bát-nhã rất sâu xa, vi diệu, không dùng phương tiện thuyết thì không ai hiểu được. Thế nên, nếu phân biệt không có bình đẳng thì sinh ra phiền não, ba độc tăng trưởng, đó là thân yêu, oán ghét, yêu

thiện, ghét bất thiện. Bồ-tát đối với hai thứ ấy quán hết thấy pháp đều bình đẳng, nơi chúng sinh quán oán thân, thương ghét đều bình đẳng, mở cửa phước đức, đóng các đường ác. Trú trong pháp bình đẳng thì các ức tướng phân biệt và tâm thủ tướng chấp trước đối với hết thấy pháp đều dứt trừ, chỉ thấy các pháp Không; không tức là bình đẳng.

Có người được các pháp bình đẳng không ấy, đi thẳng đến đạo Bồ-tát, đối với Không, không còn hí luận. Có người tuy được pháp bình đẳng mà sinh hí luận, hoặc quán tất cả đều Không. Vì có lỗi như vậy, nên người ấy đối với bình đẳng tức là không bình đẳng. Thế nên trong đây vì chân bình đẳng nên nói Bát-nhã Ba-la-mật bình đẳng, chẳng phải là hí luận. Là hai bên bình đẳng và không bình đẳng là tướng Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Bình đẳng là đối với tướng Bát-nhã đã đầy đủ, cứ gì còn nói là tướng, vô biên v.v... là tướng Bát-nhã?

Đáp: Trong kinh chỉ nói các pháp bình đẳng nên Bát-nhã bình đẳng. Hành giả thủ lấy tướng bình đẳng ấy mà sinh tâm chấp trước, nên nói tướng Bát-nhã bình đẳng, tự tính xa lìa, vì sắc pháp v.v... tự tính xa lìa. Nghĩa xa lìa như trong phẩm Tướng, Vô tướng đã nói. Được các pháp bình đẳng này, lại đối với bình đẳng là tướng, an trú trong Không; trú trong Không thì bất động, hí luận không làm lay động, núi phiên não không làm lay động được, kiếp vô thường không lay động được. Vì sao? Vì được thật tướng của hết thấy pháp. Bồ-tát trú trong hai Không ấy được Bát-nhã bất động; ấy là rốt ráo. Nếu có khởi lên nhớ nghĩ tức là chỗ có tướng chấp trước, nên nói các pháp không có nhớ nghĩ. Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng không có nhớ nghĩ.

Tướng không động là Bát-nhã, vì Bát-nhã Ba-la-mật là tướng diệt. Nếu không nhớ nghĩ Bát-nhã ấy thì hoặc bị mê muội, không có chỗ xu hướng. Người có hí luận ở giữa đại chúng thì hay sinh sợ hãi. Hoặc vì đối với Niết-bàn không hiểu rõ nên cũng sinh sợ hãi, thế nên nói tướng không sợ hãi là Bát-nhã Ba-la-mật. Người ấy tuy không quyết định chấp thủ tướng các pháp mà vào sâu pháp tính, nên ở giữa đại chúng nếu có người luận nạn về các tướng thì tâm không sợ hãi, vì đối với các pháp được Vô tướng.

Lại, khi vào Vô sinh pháp nhẫn, biết hết thấy pháp là không thể có được, nơi trong ấy cũng không sợ hãi. Vì sao? Vì Bồ-tát khéo thông đạt hết thấy pháp.

Lại nữa, hết thấy pháp một tướng nghĩa là tính Không. Thế nên Bát-nhã Ba-la-mật tùy theo hết thấy pháp, nên cùng một vị tính Không.

Hỏi: Trên đã nói các pháp bình đẳng, nay cứ gì còn nói một vị?

Đáp: Không, hoặc có khi có vị, hoặc có khi không có vị. Nếu hành giả vì các kiến chấp thủ tướng phân biệt thì trừ lượng tốt xấu; bấy giờ chứng đắc các pháp bình đẳng Không, tâm rất hoan hỷ, nên gọi là vị. Như người bị nóng khát bức bách, gặp được nước trong mát cho vị ấy không gì sánh bằng, tùy thời sử dụng nên gọi là vị. Chân thật rốt ráo không, thì không có vị nào là Không vị.

Lại nữa, một vị là Bồ-tát khi hành Bát-nhã, đối với sở quán, sở duyên đều là một vị, vì sức trí biết về tính Không rất lớn, nên các pháp khác đều đi theo mà Không. Thí như nấu đường phèn, khi sắp chín, tuy có vật khác hợp vào đều biến thành đường phèn.

Lại như biển lớn trăm sông chảy về đều thành một vị, đó là vị rốt ráo không. Các pháp sắc v.v... cũng như vậy, ở trong tâm phạm phu mỗi mỗi sai khác mà vào trong Bát-nhã thì đều thành một vị. Bên cạnh danh và tướng hoặc có hoặc không, nếu thật quán các pháp sắc v.v... chẳng phải có chẳng không nên Vô tướng, Vô tướng tức là vô biên; quán như vậy tức là Bát-nhã Ba-la-mật vô biên.

Lại nữa, có người nói: Biên có hai, là bên thường và bên đoạn; bên thế gian và bên Niết-bàn. Bên Niết-bàn, bên ác, bên lành v.v... trong đây không có các bên như vậy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật vô biên.

Lại nữa, có người nói: Biên là đời trước, đời sau. Thế gian vô thỉ cho nên không có đời trước; vào Vô dư Niết-bàn nên có đời trước, không sinh ra trở lại cho nên không có đời sau. Phân biệt các biên như vậy, đấm trước thế gian nên sợ Niết-bàn. Thế nên trong Bát-nhã Ba-la-mật không có các biên ấy, chỉ nghe nói thật tướng các pháp là không vào, không ra.

Hỏi: Các pháp bình đẳng, các pháp tự tính lia đều là vô biên, cứ gì còn nói riêng?

Đáp: Có người biết các pháp bình đẳng, biết các pháp tự tính lia, thì không cần nói. Nếu có người chấp thủ tướng, vì đấm trước một vị ấy nên nói là vô biên. Đàm-vô-kiệt không phải chỉ vì Tát-đà-ba-luân mà thuyết pháp, Tát-đà-ba-luân cũng không chỉ tự vì mình nên hỏi, mà chỉ vì chúng sinh có nhiều tâm tính, nhiều hành động nên đối với tướng Bát-nhã Ba-la-mật lược nói các tướng. Không sinh, không diệt như trước đã nói ở đoạn dùng các nhân duyên phá sinh diệt. Hư không vô biên như đã nói trong ví dụ hư không trong pháp Đại thừa. Nước biển lớn vô biên, Tu-di trang nghiêm vì trước chưa nói nên nay sẽ lược nói.

Hỏi: Hư không vô biên vì là pháp thường, không tìm được biên

giới nó, có thể nói vô biên, còn nước biển lớn ở trong bốn châu thiên hạ, bao quanh núi Tu-di có số lượng do tuần, có người vượt qua được, có sao nói vô biên?

Đáp: Vô biên có hai: Một là thật vô biên; hai là người ta không thể đếm được nên vô biên. Biển cũng có hai phần: Phần có thể qua được và phần bao quanh núi Tu-di ở giữa chín núi báu rộng tám mươi bốn ngàn do tuần. Người thế gian không biết được biên giới nó nên nói là vô biên. Như biển nhỏ, sức thuyền có thể qua được, nước biển lớn sức thuyền không thể qua được. Như phàm phu ngoại đạo có thể có chiếc thuyền thiên định vượt qua biển Dục giới, Sắc giới, còn Vô sắc giới như biển lớn sâu rộng, không thể vượt qua được, vì không thể phá tâm ngã. Các bậc Hiền Thánh có đôi cánh trí tuệ và thiên định, phá tướng tà đối với các pháp, được thật tướng nên có thể qua được. Thế nên nói ví dụ như biển lớn.

Hỏi: Núi Tu-di một màu sắc, vì sao nói trang nghiêm?

Đáp: Sách ngoài nói núi Tu-di một màu sắc, thuần là vàng ròng. Luận Lục-túc Tỳ-bà-sa nói: Bốn phía núi Tu-di đều do một thứ báu thành, hoặc vàng, bạc, pha lê, lưu ly trang nghiêm, chim đến đậu phía nào cũng đều đồng một màu sắc ấy. Anh em của Long vương như Nan-đà-bà-Nan-đà đem thân nhiều quanh bảy vòng. Trên đỉnh núi có cung trời Ba mươi ba, thành kia bảy lớp gọi là Hỷ kiến. Có chín trăm chín mươi chín cửa, bên mỗi mỗi cửa đều có mười sáu vị thần đại lực áo xanh thủ hộ. Chỗ cao trong thành dựng điện gọi là điện Tối thắng. Bốn phía có bốn vườn lớn, bốn vua trời ở bốn phía, có núi gọi là Du-càn-đà, mỗi núi cao bốn mươi hai ngàn do tuần, mỗi Thiên vương trị vì trên đó. Nước trong bốn biển lớn có cung điện của A-tu-la và Long vương. Chín núi báu Du-càn-đà v.v... có mặt trời, mặt trăng, năm tinh, hai mươi tám tú và các sao khác vây quanh trang nghiêm. Các thứ trang sức dùng để trang nghiêm như vậy trông không biết chán; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Quả báo của sáu Bát-nhã Ba-la-mật là được làm Chuyển luân vương, Phạm vương, Đế-thích, trời Tịnh cư, trời Đại tự tại. Quả báo như vậy do khi hành Bát-nhã Ba-la-mật chưa đầy đủ nên hưởng được quả báo trang nghiêm ấy. Khi Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ thì được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, địa vị Bồ-tát bất thoái chuyển và đạo quả chư Phật trang nghiêm. Như phía trên và dưới núi Tu-di đều trang nghiêm, Bát-nhã Ba-la-mật trang nghiêm cũng như vậy. Khi chưa đầy đủ thì sự trang nghiêm của chư thiên là bậc nhất, khi đầy đủ rồi thì có các đạo quả trang nghiêm. Như núi Tu-di khi kiếp

bắt đầu thành lập, bốn phía có gió lớn thổi thì chất vị tinh túy của đất nhóm lại làm Tu-di, lại có gió thổi làm cho cứng thành báu; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Đối với hết thấy pháp lành là cứng, chắc thật bậc nhất, hòa hợp bền chắc bằng Bát-nhã. Như núi Tu-di bốn phía gió lớn thổi sóng nước biển lớn, không thể làm lay động; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, các ngoại đạo tà kiến hí luận và các ma dân không thể làm lay động. Như đỉnh núi Tu-di có vườn bốn phía, chư Thiên đi đến hưởng thọ các thứ vui; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Hành giả lên được đỉnh Bát-nhã, đi đến trong vườn bốn thiền định hưởng các thứ vui.

Lại nữa, có người nói: Núi Tu-di chim đến đều đồng một màu với núi, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, các pháp vào trong Bát-nhã đều đồng một tướng, đó là Vô tướng.

Như hư không không có phân biệt là hư không không có phân biệt trong ngoài, xa gần, dài ngắn, sạch, không sạch; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Các pháp vào trong Bát-nhã cũng không có phân biệt trong ngoài, lành, chẳng lành.

Như năm uẩn vô biên là năm uẩn thường biến khắp thế gian; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, không xa lìa năm uẩn. Thật tướng năm uẩn tức là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, như sắc pháp v.v... phân tích, chia rẽ cho đến vi trần thì không có phương hướng nên không có ranh giới. Pháp vô sắc vì không có hình nên không có đây kia, không có đây kia nên không có ranh giới; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, đối với hết thấy pháp phân biệt sắc cho đến vi trần, phân biệt pháp vô sắc cho đến trong một niệm không thấy chắc chắn có thường, lạc, ngã, tịnh. Thế nên nói sắc vô biên nên Bát-nhã vô biên, cho đến hư không sáu chủng cũng như vậy.

Như Kim ca là, chư Thiên vương Cầm kim ca, không ghét không thương, tùy chỗ sử dụng mà không có việc gì không đánh nát. Tâm trước khi được Nhất thiết trí của chư Phật, tam-muội trong tâm ấy có thể dứt hết thấy kiết sử phiền não điên đảo và tập khí nên gọi là như Kim ca. Như trí tuệ tương ứng với tam-muội Kim ca mà quán hết thấy pháp đều bình đẳng, Bát-nhã Ba-la-mật quán hết thấy pháp bình đẳng cũng như vậy. Vì sao? Vì Bát-nhã trước quán các pháp bình đẳng vậy sau mới được tam-muội ấy.

Các pháp không có phân biệt là, người phàm phu thế gian vì sức phiền não nên phân biệt các pháp, được thật tướng các pháp thì đều phá hoại đối khác. Thế nên Thánh nhân được Bát-nhã Ba-la-mật không

theo ước tưởng phân biệt các pháp mà vào trong tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác; nếu khi các pháp đổi khác thì không ưu sầu, vì từ trước lại đây không phân biệt thủ tướng các pháp.

Các pháp tính Không thể có được là hết thấy pháp đều do nhân duyên hòa hợp sinh, không có cái gì không do nhân duyên hoặc ít nhân duyên mà sinh khởi. Nếu từ nhân duyên sinh thì không có tự tính. Tự tính là sự thật quyết định vốn có. Nếu tính từ nhân duyên hòa hợp sinh, nên biết khi chưa hòa hợp thì không có. Nếu trước không có mà nay từ nhân duyên hòa hợp có thì biết là không có tính. Nếu từ nhân duyên hòa hợp sinh tính thì tính ấy tức là pháp tạo tác. Tính gọi là không đợi nhau, không nhân nhau, thường phải riêng có, độc lập. Pháp hữu vi như vậy thì không có. Thế nên nói hết thấy pháp tính Không thể có được; tính Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Vì các pháp không có sở hữu là các pháp tính Không thể có được, các duyên cũng không thể có được. Các duyên cũng không thể có được nên đều là không có sở hữu. Vào trong không có sở hữu, thì đều bình đẳng. Vì sao? Vì có nên có phân biệt; vì không cho nên không có phân biệt. Như hương cỏ, hương chiên đàn, khi đốt lên thì có phân biệt, khi diệt mất thì không có phân biệt.

Các pháp không làm là vì chúng sinh Không, pháp Không nên đều không làm.

Chúng sinh làm là làm mười việc lành và mười việc chẳng lành v.v...

Pháp làm là lửa cháy, nước chảy, gió động, thức hay nhận thức, trí hay biết, các pháp như vậy, mỗi mỗi tự có sức riêng. Không có chúng sinh cho đến không có kẻ biết, kẻ thấy; không có sắc cho đến trí Nhất thiết chủng đều như trước đã phá.

Phá chúng sinh cho nên không có kẻ làm là phá pháp nên không có làm, chỉ vì người phạm phụ bị điên đảo che lấp nên nói có làm.

Các pháp không thể nghĩ nghĩ là hết thấy pháp không có được tướng quyết định hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc thật hoặc không, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc sinh diệt, hoặc không sinh diệt, hoặc tịch diệt hoặc không tịch diệt, hoặc lia hoặc chẳng lia, hoặc có hoặc không có; các môn phân biệt cũng như vậy, không thể nghĩ nghĩ. Vì sao? Vì các pháp ấy đều từ trong tâm ước tưởng phân biệt sinh, không thể có quyết định. Thật tính của hết thấy pháp đều vượt qua danh tự ngôn ngữ của tâm tâm số pháp. Như phẩm trước nói: Hết thấy pháp bình đẳng, hết thấy Hiền Thánh không thể hành, không thể đến,

thế nên không thể nghĩ nghĩ; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, vì quán pháp ấy nên phát sinh.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân liền từ chỗ ngồi được các tam-muội.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân trước đã biết các pháp tướng là không, nay chịu mọi siêng năng khổ nhọc, đứng luôn bảy năm để thấy Đàm-vô-khiết được lợi ích gì?

Đáp: Tát-đà-ba-luân trước thấy chư Phật được các tam-muội, vì quý trọng Bát-nhã Ba-la-mật nên sinh ra trước tướng. Nay Đàm-vô-khiết qua bảy năm từ định khởi dậy nói Bát-nhã để phá tâm chấp trước tướng kia. Hết thấy pháp tính tự không, chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật làm cho nó không. Vì thế nên nói, vì các pháp bình đẳng nên Bát-nhã Ba-la-mật bình đẳng, vì các pháp lìa tướng, cho đến các pháp không thể nghĩ nghĩ nên Bát-nhã Ba-la-mật không thể nghĩ nghĩ. Không thể khinh chê các pháp khác mà quý trọng Bát-nhã. Vì sao? Vì không để cho nhân Bát-nhã lại sinh chấp trước cấu uế. Bát-nhã Ba-la-mật tuy rất ráo thanh tịnh, có nhiều lợi ích mà lại không thể thủ tướng để sinh tâm chấp trước, như vàng cháy nóng tuy đẹp mà không thể lấy tay nắm. Tát-đà-ba-luân được sự giáo hóa ấy, dứt tâm chấp trước đối với Bát-nhã, liền được các tam-muội, giải nói mỗi mỗi câu, đối với tâm tán loạn chỉ có trí tuệ chứ không gọi là tam-muội, nay theo thầy nghe rồi nhất tâm suy nghĩ gọi là tam-muội. Nhiếp tâm không tán loạn, trí tuệ biến thành tam-muội. Như đèn giữa gió không thể chiếu sáng, ở trong nhà yên lặng đóng cửa, ánh sáng chiếu khắp. Trước đã vì tâm Dục giới tán loạn nên sức trí tuệ chưa thành tựu; nay trong khi nhiếp tâm nghe được các pháp đều gọi là tam-muội, có thể phá trừ phiền não và ma dân. Như nước khi gió lạnh chưa đến, chưa đóng thành băng thì không có tác dụng cứng, nếu đóng thành băng thì có thể đi lên trên được. Được sáu trăm vạn môn tam-muội như vậy, Tát-đà-ba-luân được nghe Đàm-vô-khiết thuyết pháp, đối với các pháp được trí tuệ sáng suốt lớn; nghĩa là được môn thật tướng của các pháp. Các pháp bình đẳng, bình đẳng là trí tuệ. Vào trong tâm thiền định của Tát-đà-ba-luân biến thành tam-muội.

Nay muốn nói tam-muội, trí tuệ, quả báo đời này đời sau.

Bấy giờ Phật bảo Tu-bồ-đề, như nay ta ở giữa chúng thuyết Bát-nhã, vì tướng ấy, vì hình mạo ấy, vì danh dự ấy nói Bát-nhã Ba-la-mật. Tát-đà-ba-luân theo Đàm-vô-khiết được tam-muội, ở trong tam-muội thấy mười phương Phật ở giữa đại chúng nói Bát-nhã cũng như vậy. Nay Tu-bồ-đề! Tát-đà-ba-luân từ đây về sau rất ưa vui pháp nên chứa nhóm nhiều kinh, nghe nhiều, đọc tụng rộng rãi; như A-nan, Phật dạy

điều gì đều có thể nhớ giữ. Tát-đà-ba-luân, có trí tuệ đa văn không thể nghĩ nghĩ, như nước biển lớn, ngay trong đời ấy thường không lìa Phật. Như vậy gọi là quả báo đời nay. Xả bỏ thân, thường sinh trong nước có Phật, khéo tu hành tam-muội Niệm Phật, nên cho đến trong mộng, ngay từ đầu không rời sự thấy Phật. Các nạn địa ngục v.v... đều đã dứt hết vĩnh viễn, tùy ý vãng sinh vào cõi nước của chư Phật. Vì người kia sâu vào Bát-nhã Ba-la-mật, chứa nhóm vô lượng công đức nên không theo nghiệp thọ sinh. Tát-đà-ba-luân từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, độ thoát chúng sinh, nhóm vô lượng công đức; thí như vị trưởng giả hào quý, từ một chúng hội đến một chúng hội, cho đến nay ở chỗ Phật Đại Lôi Âm tịnh tu phạm hạnh. Nếu có người muốn cầu Bát-nhã Ba-la-mật hãy nên như Tát-đà-ba-luân, kiên định nhất tâm, không thể khuynh động. Thế nên biết, nhân duyên của Bát-nhã Ba-la-mật có thể thành tựu được hết thảy công đức. Các Bồ-tát được Bát-nhã, các tội cấu khi xuất gia như tà nghi, hí luận thảy đều trừ diệt, được tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh nên được hết thảy công đức.

Được trí Nhất thiết chủng là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Sáu Bát-nhã Ba-la-mật là từ Sơ địa cho đến Thất địa, được Vô sinh pháp nhẫn; Bát địa, Cửu địa, Thập địa là vào sâu trí tuệ Phật, được trí Nhất thiết chủng, thành Phật.

Đối với hết thảy pháp được tự tại là đều có thể thọ trì cho đến dùng hoa hương, kỹ nhạc cúng dường.

Tu-bồ-đề vì thường ưa hạnh Không nên Phật cùng Tu-bồ-đề nói Bát-nhã. Lại, Tu-bồ-đề được tam-muội Vô tránh nên Phật không thể phó chúc. A-nan được Đà-la-ni Văn trì, lại thường gần gũi Phật, nên được Phật phó chúc rộng rãi.

-----o0o-----